

Số: 420/TB-CCTHADS

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng 130m² đất và tài sản gắn liền với đất của bà Đỗ Thị Châm sinh năm 1968 là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 06 có địa chỉ tại Thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Giá khởi điểm: 7.620.553.620 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Số 1 Quốc Gia – Địa chỉ trụ sở: Số 16-TM3C-15, Khu đô thị Nam đường vành đai 3 (giai đoạn 1) xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Tổng số điểm: 91/100

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH SỐ 1 QUỐC GIA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại hình tài sản đấu giá	19,0	19,0
1.	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	10,0	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử,...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0

2	Trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá	5,0	5,0
2.1	Có hệ thống Camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0
3	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đội với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thị trường Trung tâm điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Công thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2,0
4	Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc đã thực hiện cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0
III	Phong ăn đấu giá khóa thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phong ăn)	16,0	16,0
1.	Phong ăn đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khóa thi và hiệu quả cao	4,0	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khóa thi, hiệu quả	2,0	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khóa thi, hiệu quả	2,0	2,0
2.	Phong ăn đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khóa thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0
3.	Phong ăn đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0
4	Phong ăn đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đim giá, bao đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	48,0

1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liên kế	15,0	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá (bao gồm trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	12,0	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá thành đến 40 cuộc đấu giá	13,0	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liên kế Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	6,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trung so với giá khởi điểm trong năm trước liên kế (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	7,0	6,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liên kế có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả chấm điểm là số thập phân, thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm	3,0	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liên kế	3,0	3,0



			có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm.
4.2	Tổ chức hành nghề đầu tư tài sản (B) có tổng số cuộc đầu tư thành công năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$		
4.3	Tổ chức hành nghề đầu tư tài sản (C) có tổng số cuộc đầu tư thành công năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của $C = (V \times 3) / Y$		
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đầu tư tài sản được thành lập trước ngày Luật Đầu tư tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	5,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6	Số lượng đầu tư tài sản của tổ chức hành nghề đầu tư tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	3,0
6.1	01 đầu tư tài sản	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đầu tư tài sản	3,0	3,0
6.3	Từ 05 đầu tư tài sản trở lên	4,0	
7	Kinh nghiệm hành nghề của đầu tư tài sản là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đầu tư tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đầu tư hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đầu tư tài sản theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bản đầu tư tài sản hoặc đăng ký danh sách đầu tư tài sản tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ về bản đầu tư tài sản)	4,0	3,0

		Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. tài sản hoặc Thẻ đầu giá viên theo Luật đầu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đầu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của Doanh nghiệp đầu giá tài sản theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu giá tài sản)
7.1	Dưới 05 năm	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8	Kinh nghiệm của đầu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0
8.1	Không có đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 04 đầu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản trong năm trước liên kế, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước. Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đầu giá do người có tài sản đầu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tài mức này để danh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tài mức này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt mức qua mức tối đa của mức này)	8,0
1.	Đã tổ chức đầu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đầu giá	3,0
		2,0

Đảng Quốc Việt



CHẤP HÀNH VIỆN

Vậy Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh thông báo để các tổ chức đầu giá tài sản

biết./.

	Tổng số điểm	100	91
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đầu giá tài sản, chi phí đầu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0	
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đầu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đầu giá (trường hợp có nhiều tài sản đầu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đầu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0	4,0
2.	Đã từng ký hợp đồng dịch vụ đầu giá tài sản với người có tài sản đầu giá và đã tổ chức cuộc đầu giá thành theo hợp đồng đó	3,0	2,0
	- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đầu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu giá tài sản - Người có tài sản đầu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)		